

BẢN TIN TUẦN 15

“Kết quả quan trắc, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp”

(Từ 10/04/2024 đến 16/04/2024)

I. Kết quả giám sát chất lượng nước tuần từ ngày 10/04/2024 đến 16/04/2024

1. Vị trí giám sát

TT	Tên vị trí lấy mẫu	Nguồn/Sông	Lý do xác định vị trí lấy mẫu
1	Cống Như Trác	Sông Hồng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.
2	Cống Hữu Bị		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.
3	Cống Cốc Thành	Sông Đào	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.
4	Cống sông Chanh		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.
5	Cống Nhâm Trảng	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Trảng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.
6	Cống Kinh Thanh		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm
7	Cống Cỏ Đam		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cỏ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên
8	Cống Vĩnh Trị		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản
9	Đầu kênh T3	Kênh T3	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành
10	Đầu kênh C9	Sông Chanh	Kiểm tra chất lượng nước tưới tiêu kết hợp

TT	Tên vị trí lấy mẫu	Nguồn/Sông	Lý do xác định vị trí lấy mẫu
			và nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước sông Sắt, tưới tiêu kết hợp khu vực phía nam huyện Ý Yên
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.
13	Đầu kênh CG16		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu
14	Đập La Chợ		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.
15	Đầu kênh S48	Kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.
16	Đập Vùa (CG12)	Kênh Vùa	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Kênh Kinh Thủy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	Kênh C19	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.
20	Đầu kênh T6	Kênh T6	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho khu vực huyện Vụ Bản

BẢN ĐỒ GIÁM SÁT CLN HIỆ THỐNG C'TTL BẮC NAM HÀ NĂM 2024



2. Thông tin lúc giám sát

Trong thời gian từ 10/04/2024 – 16/04/2024 không thực hiện giám sát

3. Kết quả đo đạc

Do không khảo sát nên không có kết quả để đánh giá, so sánh với tuần trước và cùng kỳ năm trước

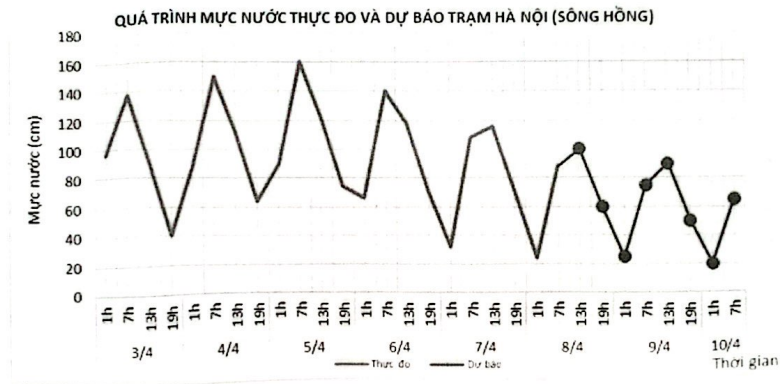
II. Dự báo chất lượng nước tuần từ ngày 10/04/2024 đến 16/04/2024

1. Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong tuần

Dự báo thời tiết Nam Định và Hà Nam mưa nhẹ vào các ngày 12 - 16/04; các ngày còn lại không mưa.

Mức nước hạ lưu sông Hồng đang ở mức thấp biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

Dự báo đến 7h/10/04 mức nước tại trạm Hà Nội có khả năng ở mức 0,60m.



2. Dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần

Vị trí	DO							B- QCVN 08-2023
	Tuần dự báo							
	10/04	11/04	12/04	13/04	14/04	15/04	16/04	
Cổng Như Trác	6,367	6,367	6,367	6,367	6,367	6,367	6,367	≥ 5
Cổng Hữu Bị	6,478	6,505	6,539	6,575	6,611	6,645	6,676	≥ 5
Cổng Cốc Thành	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	≥ 5
Cổng sông Chanh	4,395	4,404	4,411	4,416	4,419	4,421	4,423	≥ 5
Cổng Nhâm Trảng	5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	≥ 5
Cổng Kinh Thanh	6,114	6,099	6,083	6,066	6,049	6,032	6,016	≥ 5
Cổng Cỏ Đam	5,943	5,939	5,937	5,936	5,936	5,938	5,942	≥ 5
Cổng Vĩnh Trị	5,783	5,817	5,845	5,869	5,890	5,908	5,926	≥ 5
Đầu kênh T3	6,295	6,307	6,317	6,326	6,334	6,342	6,349	≥ 5
Đầu kênh C9	5,889	5,969	6,027	6,074	6,116	6,155	6,192	≥ 5
Cầu đường 10 với sông Sắt	5,042	5,040	5,042	5,049	5,063	5,080	5,100	≥ 5
Đập An Bài (sông Châu Giang)	5,138	5,162	5,190	5,220	5,252	5,283	5,315	≥ 5
Đầu kênh CG16	4,193	4,193	4,193	4,193	4,193	4,193	4,193	≥ 5
Đập La Chợ	6,483	6,519	6,559	6,597	6,630	6,660	6,686	≥ 5
Đầu kênh S48	3,704	3,704	3,704	3,704	3,704	3,704	3,704	≥ 5
Đập Vùa (CG12)	5,834	5,865	5,881	5,892	5,900	5,907	5,913	≥ 5
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	6,345	6,380	6,416	6,450	6,483	6,513	6,541	≥ 5
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	4,965	4,977	4,990	5,003	5,016	5,028	5,039	≥ 5
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	5,658	5,877	6,026	6,125	6,192	6,239	6,272	≥ 5
Đầu kênh T6	5,400	5,400	5,400	5,400	5,400	5,400	5,400	≥ 5

NO _x							
Vị trí	Tuần dự báo						
	10/04	11/04	12/04	13/04	14/04	15/04	16/04
Cống Như Trác	1,779	1,779	1,779	1,779	1,779	1,779	1,779
Cống Hữu Bị	1,429	1,393	1,344	1,289	1,233	1,181	1,132
Cống Cốc Thành	0,910	0,910	0,910	0,910	0,910	0,910	0,910
Cống sông Chanh	0,990	0,973	0,961	0,953	0,947	0,944	0,941
Cống Nhâm Trảng	2,904	2,904	2,904	2,904	2,904	2,904	2,904
Cống Kinh Thanh	2,129	2,170	2,214	2,257	2,301	2,344	2,386
Cống Cỏ Đam	4,420	4,435	4,447	4,457	4,464	4,468	4,471
Cống Vĩnh Trị	4,492	4,447	4,407	4,374	4,348	4,326	4,307
Đầu kênh T3	1,156	1,180	1,182	1,177	1,168	1,158	1,148
Đầu kênh C9	2,671	2,535	2,440	2,365	2,299	2,238	2,180
Cầu đường 10 với sông Sắt	4,029	4,044	4,059	4,064	4,060	4,047	4,028
Đập An Bài (sông Châu Giang)	2,207	2,174	2,133	2,087	2,039	1,990	1,941
Đầu kênh CG16	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800
Đập La Chợ	1,466	1,410	1,347	1,287	1,234	1,186	1,145
Đầu kênh S48	6,900	6,900	6,900	6,900	6,900	6,900	6,900
Đập Vùa (CG12)	0,813	0,760	0,732	0,714	0,700	0,689	0,680
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	1,786	1,728	1,672	1,616	1,564	1,515	1,471
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	4,320	4,309	4,295	4,281	4,268	4,256	4,245
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	2,349	2,010	1,779	1,625	1,519	1,445	1,392
Đầu kênh T6	0,911	0,911	0,911	0,911	0,911	0,911	0,911

Vị trí	BOD ₅							B- QCVN 08-2023
	Tuần dự báo							
	10/04	11/04	12/04	13/04	14/04	15/04	16/04	
Cống Như Trác	11,513	11,513	11,513	11,513	11,513	11,513	11,513	≤ 6
Cống Hữu Bị	7,228	7,096	6,899	6,667	6,429	6,201	5,991	≤ 6
Cống Cốc Thành	19,401	19,401	19,401	19,401	19,401	19,401	19,401	≤ 6
Cống sông Chanh	21,606	21,644	21,672	21,691	21,704	21,713	21,718	≤ 6
Cống Nhâm Trảng	16,768	16,768	16,768	16,768	16,768	16,768	16,768	≤ 6
Cống Kinh Thanh	8,911	9,060	9,216	9,375	9,534	9,691	9,844	≤ 6
Cống Cổ Đàm	16,840	16,911	16,974	17,027	17,071	17,108	17,138	≤ 6
Cống Vĩnh Trị	16,491	16,534	16,558	16,580	16,601	16,620	16,634	≤ 6
Đầu kênh T3	18,604	18,208	18,057	18,005	17,973	17,943	17,914	≤ 6
Đầu kênh C9	12,140	11,648	11,307	11,033	10,791	10,563	10,343	≤ 6
Cầu đường 10 với sông Sắt	16,116	16,156	16,187	16,193	16,174	16,136	16,083	≤ 6
Đập An Bài (sông Châu Giang)	10,516	10,390	10,234	10,056	9,865	9,667	9,467	≤ 6
Đầu kênh CG16	24,900	24,900	24,900	24,900	24,900	24,900	24,900	≤ 6
Đập La Chợ	7,370	7,139	6,867	6,603	6,366	6,160	5,980	≤ 6
Đầu kênh S48	28,700	28,700	28,700	28,700	28,700	28,700	28,700	≤ 6
Đập Vùa (CG12)	14,626	14,359	14,224	14,139	14,075	14,023	13,980	≤ 6
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	18,791	18,560	18,324	18,089	17,864	17,655	17,462	≤ 6
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	16,550	16,530	16,505	16,480	16,457	16,439	16,424	≤ 6
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	18,188	19,024	19,445	19,719	19,906	20,027	20,101	≤ 6
Đầu kênh T6	19,403	19,403	19,403	19,403	19,403	19,403	19,403	≤ 6

NH ₄ ⁺							
Vị trí	Tuần dự báo						
	10/04	11/04	12/04	13/04	14/04	15/04	16/04
Cổng Như Trác	0,258	0,258	0,258	0,258	0,258	0,258	0,258
Cổng Hữu Bị	0,313	0,311	0,305	0,296	0,285	0,274	0,264
Cổng Cốc Thành	0,720	0,720	0,720	0,720	0,720	0,720	0,720
Cổng sông Chanh	0,464	0,464	0,465	0,465	0,465	0,466	0,466
Cổng Nhâm Trảng	0,373	0,373	0,373	0,373	0,373	0,373	0,373
Cổng Kinh Thanh	0,348	0,359	0,371	0,382	0,394	0,406	0,417
Cổng Cổ Đàm	0,666	0,675	0,684	0,693	0,701	0,709	0,717
Cổng Vĩnh Trị	0,874	0,885	0,892	0,898	0,904	0,910	0,916
Đầu kênh T3	0,693	0,688	0,687	0,687	0,687	0,687	0,685
Đầu kênh C9	0,692	0,660	0,640	0,624	0,611	0,599	0,588
Cầu đường 10 với sông Sắt	0,865	0,871	0,879	0,886	0,892	0,896	0,899
Đập An Bài (sông Châu Giang)	0,572	0,568	0,561	0,553	0,543	0,533	0,523
Đầu kênh CG16	0,740	0,740	0,740	0,740	0,740	0,740	0,740
Đập La Chợ	0,345	0,337	0,323	0,310	0,297	0,286	0,277
Đầu kênh S48	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300
Đập Vùa (CG12)	0,179	0,160	0,151	0,146	0,142	0,139	0,136
Cầu Chù (sông Châu Giang)	0,455	0,443	0,431	0,418	0,406	0,394	0,383
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	0,647	0,654	0,660	0,667	0,673	0,679	0,686
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	0,516	0,530	0,538	0,544	0,548	0,551	0,552
Đầu kênh T6	0,720	0,720	0,720	0,720	0,720	0,720	0,720

Kết quả dự báo DO trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B của QCVN 08-MT/2023/BTNMT trừ các vị trí Cổng Sông Chanh, Đầu kênh CG16, S48, Cầu Yên Trung.

Tất cả các vị trí có hàm lượng BOD₅ trong kỳ dự báo đều không đạt giới hạn B của QCVN 08-MT/2023/BTNMT.

III. Các đề xuất, kiến nghị

1. Nhận xét

Chất lượng nước hệ thống Bắc Nam Hà trong thời đoạn dự báo có hàm lượng vượt giới hạn B của QCVN 08-MT/2023/BTNMT không thay đổi nhiều so với tuần 14.

2. Đề xuất.

Đề nghị Công ty KTCTTL Bắc Nam Hà tiếp tục tận dụng triều để trao đổi nước sông và trong hệ thống. Mở Như Trác, Nhâm Tráng để lấy nước vào nội đồng.

3. Dự báo chung.

Với dự báo lượng mưa nhẹ và mực nước biến đổi chậm như dự báo ở trên thì mức độ ô nhiễm chất lượng nước trong HTCTTL Bắc Nam Hà sẽ không có biến đổi nhiều so với tuần 14.

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Bắc Nam Hà;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Nam Định;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đào Ngọc Tuấn